| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TRÀ VINH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 24 – 4 - 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Giáp Trà Giang
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thạch Thị Mỹ Kim
Ông Võ Chí Tình
*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Bà Đặng Thị Ngọc Đính – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1999;
Địa chỉ: khóm P, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
- Bị đơn: Ông Bùi Hoàng D, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: nhà số A, Chung cư Đ, khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2022, qua thời gian tìm hiểu bà Lê Thị Mỹ T và ông Bùi Hoàng D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi kết hôn ông bà sống không hạnh phúc vì tính ý không hợp nhau, luôn bất đồng ý kiến dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường

xuyên cải nhau, ông D có lời lẽ xúc phạm và đe dọa bà. Ông bà đã sống ly thân hơn một năm. Bà Lê Thị Mỹ T nhận thấy hiện tại bà và ông D không thể hàn gắn được tình cảm, ông bà chưa có con nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Hoàng D vắng mặt không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Lê Thị Mỹ T và ông Bùi Hoàng D tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ T và ông Bùi Hoàng D là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Lê Thị Mỹ T thì trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Bùi Hoàng D có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân một thời gian. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Lê Thị Mỹ T và ông Bùi Hoàng D để hòa giải, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của ông bà nhưng không thành do ông Bùi Hoàng D vắng mặt không đến hòa giải. Như vậy chứng tỏ việc Lê Thị Mỹ T trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Xét thấy, hiện tại bà Lê Thị Mỹ T và ông Bùi Hoàng D chưa có con chung nhưng đời sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Tòa án đã tạo điều kiện để ông bà hòa giải giải đoàn tụ nhưng không thành. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Lê Thị Mỹ T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T

Cho bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Bùi Hoàng D

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Đương sự tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0001283 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Uỷ ban nhân dã xã, phường nơi đương sự cư trú.

*Nơi nhận*:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND Phường 9
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Giáp Trà Giang**